

Số: 96/2020/QĐST-HNGĐ

Đàm Dơi, ngày 22 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐOI, TỈNH CÀ MAU**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;  
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 424/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Phạm Mỹ T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: A Chung cư E, T, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Anh Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp Tân Đ, xã Tân T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hôn nhân: Chị T và anh M chung sống với nhau năm 2016, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm, đã ly thân hơn 02 năm nay. Nay anh chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị.

Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự, không trái pháp luật nên được công nhận.

[2] Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Phạm Phú Q, sinh ngày 05/02/2019, giới tính nam, hiện nay đang sống cùng chị T, sau khi ly hôn anh chị thỏa thuận giao con chung cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 745.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày quyết định Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng sau khi ly hôn giữa các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật nên được công nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị T và anh M mỗi người phải chịu 75.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Mỹ T và anh Nguyễn Hoàng M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phạm Phú Q, sinh ngày 05/02/2019, giới tính nam, cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền: 745.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày 22/9/2020 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng anh M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Mỹ T và anh Nguyễn Hoàng M mỗi người phải chịu là 75.000 đồng.

Cùng ngày 14/9/2020 chị T đã dự nộp 150.000 đồng theo Biên lai thu số 0011030; anh M đã dự nộp 150.000 đồng theo Biên lai thu số 0011031 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được đối trừ. Chị T, anh M mỗi người được nhận lại 75.000 đồng.

3. Án phí cấp dưỡng: Anh M phải chịu 150.000 đồng (chưa nộp).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- UBND thị trấn Đ, huyện Đ;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Đã ký**

**Hồ Dũng Liêm**